

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/07/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK10+TD5+BK16	7:25	6+16+0	0+0+0		5+13+4	0+0+0	
2		P11+P9+TD2	7:25	7+10+5	0+0+0		5+8+9	0+0+0	
3		P1+P2	7:25	0+20	0+0		0+22	0+0	CHUYEN 1 P1-P2
4		BK4+TD3	9:25	6+12	0+0		0+22	0+0	
5		P10	9:25	22	0		22	0	
6		P9	9:25	22	0		22	0	
7		BK15+P10	11:25	11+6	0+0		8+12	0+0	
8		P11+BK10+BK4	11:25	9+3+2	0+0+0		10+8+4	0+0+0	CHUYEN 2 BK10-BK4
9		T.UNG	11:25	19	0		13	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ ĐI VỀ TRONG NGÀY p11-4NG, bk10-3NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2024	TO: BK10 - TD5 - BK16	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - HTRUNG -	ETA: 09:20
XANH-1		THỤ	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	BK10				20	71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK10					75	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN LÂM	BK10					71	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI CAO ĐỊNH	BK10	54	1	7		60	PSV	Vietnamese
5	VŨ VĂN CUÔNG	BK10	55,10	2	8		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	51	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THANH	TD5	30	1	5	50	75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN NHƯ Ý	TD5					78	KHOAN	Vietnamese
9	TRỊNH DUY THANH	TD5	36	1	2		77	KHOAN	Vietnamese
10	ĐÌNH VĂN SỰ	TD5					84	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN HIỀN	TD5	25	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	19	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
13	TRỊNH ANH TRƯỞNG	TD5	18	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ XUÂN ANH	TD5	24	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	HỒ SĨ PHỤNG	TD5	20-21	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD5	35	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH HIỆU	TD5	23	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
18	VĂN ĐÌNH QUANG	TD5	26-27	2	11		62	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN GIN	TD5	31	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
20	MAI TUẤN KIẾT	TD5	29	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ NGỌC LUÂN	TD5	22	1	11		68	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG HUE	TD5	28	1	10		59	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	6	4	20	429	20	5		
2	TD5	16	16	94	1.134	50	13		
3	BK16	0	0	0	0	25	4		
TOTAL		22	20	114	1.563	95	22		
WEIGHT KG				114	1.563	95			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2024	TO: P11 - P9 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: DUONG - N.CUONG - QTRUONG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG DIEN	P11					63	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN THO	P11	94	1	4		93	D-HANH	Vietnamese
3	BUI NGOC DO	P11					72	ANTOAN	Vietnamese
4	TRAN DUC TUAN	P11					63	YTE	Vietnamese
5	LE VAN KIEU CANH	P11	96	1	8		72	PSV	Vietnamese
6	LE THANH HAI	P11	97	1	7		61	PSV	Vietnamese
7	PHAM HONG DIEN	P11	95	1	5		65	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG TAM	P9	85	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN HOANG	P9	94-95	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
10	VU BA NEP	P9	90	1	4	18	65	KH-THAC	Vietnamese
11	HO DUC HIEN	P9	92	1	10		57	YTE	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG THANH	P9					71	PSV	Vietnamese
13	LE VAN VIET	P9	86-87	2	8		79	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN QUANG	P9	91	1	5		70	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC TUAN	P9	88	1	7		74	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN BA KY	P9					80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN THANH HOAI	P9	93	1	6		102	KH-THAC	Vietnamese
18	HO CONG ANH	TD2	60-61	2	13		64	KH-THAC	Vietnamese
19	LE CONG VINH	TD2	62	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN KHAI	TD2	56	1	13	90	72	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI TRAN VIET	TD2	59	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
22	PHUNG CONG DU	TD2	57-58	2	11		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	7	4	24	489	0	5		
2	P9	10	10	55	739	18	8		
3	TD2	5	7	48	348	90	9		
TOTAL		22	21	127	1.576	108	22		
WEIGHT KG				127	1.576	108			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2024	TO: P8 - P1 - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: TUYỀN - M.ĐỨC - NNAM	ETA: 09:30
Vàng - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI TRONG BINH	P8	37-38	2	23		81	KH-THAC	Vietnamese
2	DƯƠNG CHI TUYỀN	P2	88	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HONG	P2	82	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO VAN NGHI	P2	89	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
5	VU VAN NAM	P2	90	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH NAM	P2	200	1	8		73	KHI	Vietnamese
7	BIEN VAN TRANG	P2	81	1	5	57	72	KHI	Vietnamese
8	BIEN ĐANG SAM	P2	95	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH BA HOANG NAM	P2	92	1	10		99	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG QUỐC VIỆN	P2	83	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HIEN TRUONG	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH VĂN HAI	P2	87	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC MINH	P2	98-99	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG MINH QUAN	P2	94	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
15	VU VAN ĐÔNG	P2	97	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI HOANG TAM	P2	86	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THIEN NAM	P2	93	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN ANH TUAN	P2	96	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO HUY HUNG	P2	85	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ NGỌC LUONG	P2	84	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN QUYẾT CHIEN	P2	91	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	1	2	23	81	0	0		chuyen 1 PAX P1- P2
2	P1	0	0	0	0	0	0		
3	P2	20	20	125	1.368	57	22		
TOTAL		21	22	148	1.449	57	22		
WEIGHT KG				148	1.449	57			

GRAND TOAL: 1.654 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2024	TO: BK4 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - HTRUNG - THỤ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ DUY KHÁNH	BK4	28	1	7	55	65	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔNG TRUNG HUY	BK4	30	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG ĐAN	BK4	33	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN XUÂN CUÔNG	BK4	29	1	14		71	CODIEN	Vietnamese
5	LÊ TRỌNG TUYẾN	BK4	31-32	2	14		63	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	BK4	26	1	18	29	69	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG HÒA	TD3	15-16	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐOÀN QUANG BẠC	TD3	21	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3	18	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
10	BUI HUU VŨNG	TD3	13	1	6		91	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
12	BUI CÔNG SƠN	TD3	14	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH HÙNG	TD3	17	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HỒNG VƯƠNG	TD3	20	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	19	1	8		79	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	12	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ ANH XUÂN	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ DUY CUÔNG	TD3	11	1	11		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	6	7	66	407	84	0		
2	TD3	12	11	79	872	0	22		
TOTAL		18	18	145	1.279	84	22		
WEIGHT KG				145	1.279	84			

GRAND TOAL: 1.508 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2024	TO: P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: DUONG - N.CUONG - QTRUONG	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HO THIEN TAM	P10	22	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN THANG	P10	02	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC KHANH	P10	05	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN BAO TOAN	P10	10	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
5	DO TRUONG THINH	P10	01	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NAM	P10	23-24	2	10		95	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HUAN	P10	09	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH CONG VAN	P10	07	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG XUAN THAI	P10	19-20	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM VAN HUONG	P10	16-17	2	14		76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VU KIEN	P10	08	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN MINH TUAN	P10	25	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN THAO	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
14	VU DANG HOANG	P10	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG SY NGUYEN	P10	03-04	2	6		85	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN CUONG	P10	11	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NANG	P10	15	1	5		63	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN KHANH TOAN	P10	21	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC PHI	P10	18	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM TIEN PHUONG	P10	06	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VU PHUONG HUONG	P10	12	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	DO LETH DAO	P10	14	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	22	25	144	1.597	0	22		
TOTAL		22	25	144	1.597	0	22		
WEIGHT KG				144	1.597	0			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	TO: P9	CREW: TUYỀN - M.ĐỨC - NNAM	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN HOA	P9	96	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TUAN ANH	P9	90	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
3	LE LANG TU	P9	98-99	2	19		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HOAI THANH	P9	74-75	2	14		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TUNG	P9	700	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
6	VU NAM GIANG	P9	72	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MINH HIEN	P9	97	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HUY	P9	95	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH THE NHAN	P9	94	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGOC ANH	P9	71	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
11	HUA SAY	P9	73	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐANG ĐỨC HAI	P9	93	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRINH HUY KHIEM	P9					73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ĐỨC THANH	P9	92	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	VÔ TUAN MẠNH	P9	85	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN DAT	P9	70	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN XUAN HINH	P9	83-84	2	14		82	KH-THAC	Vietnamese
18	NGHIEM ANH THANH	P9	88-89	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
19	KRAMARENKO B.B.	P9	82	1	5		73	KH-THAC	Russian
20	NGUYEN CONG HIEU	P9	91	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG NGUYEN HUY NGUYEN	P9	86	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ SỸ CÂN	P9	87	1	5		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	25	156	1.557	0	22		
TOTAL		22	25	156	1.557	0	22		
WEIGHT KG				156	1.557	0			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2024	TO: BK15 - P10	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - DTUNG	ETA: 14:00
hong - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN PHUONG	BK15	06	1	5		60	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN HUU HAU	BK15	07	1	4		89	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG HOANG	BK15	08	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
4	LE CHI CONG	BK15	09,72	2	12		91	KH-THAC	Vietnamese
5	LUU TIEN THANH	BK15	76	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI TIEN THANH	BK15	74-75	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
7	VU HUU CHINH	BK15	77	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN SOAI	BK15	66	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ANH KIET	BK15	05	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN THANH QUANG	BK15	73	1	8		72	XAYLAP	Vietnamese
11	LE XUAN HIEN	BK15	67	1	13		58	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG MINH TAN	P10	30-31	2	14		78	YTE	Vietnamese
13	HO NGOC THANH	P10	32	1	7		57	PSV	Vietnamese
14	TRINH XUAN QUAN	P10	26	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN DUC	P10	33	1	13		60	PSV	Vietnamese
16	BUI VAN TU	P10	27-28	2	10		55	PSV	Vietnamese
17	DU TRAN HUNG	P10	29	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	11	13	92	803	0	8		
2	P10	6	8	59	408	0	12		
TOTAL		17	21	151	1.211	0	20		
WEIGHT KG				151	1.211	0			

GRAND TOAL: 1.362 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2024	TO: P11 - BK10 - BK4	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: KHOÀN - MTHAO - HIẾU	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC TAN	P11	98	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN KIM SON	P11	99	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRỌNG BANG	P11	700,97	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐAO THIEN THUAT	P11	600	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG CÔNG PHỤNG	P11	66	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH THIEN TUNG	P11	67	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MẠNH TRƯỞNG	P11	99	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CÔNG HUY	P11	68	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC TIEN	P11	98	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐO TUAN VIET	BK10	13	1	10	10	67	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ HỮU THẮNG	BK10	14-15	2	11		82	DK9	Vietnamese
12	NGHIEM XUAN ANH	BK10	12	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DUY BAI	BK4	79	1	26		86	CODIEN	Vietnamese
14	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	82	1	6	16	69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	9	10	80	639	0	10		CHUYEN 02 PAX TU BK10 SANG BK4
2	BK10	3	4	27	204	10	8	2	
3	BK4	2	2	32	155	16	4		
TOTAL		14	16	139	998	26	22		
WEIGHT KG				139	998	26			

GRAND TOAL: 1.163 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:00
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HHẢI	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ANH TUẤN	T.UNG	64	1	3		70	AN TOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀI VŨ	T.UNG	72	1	4		63	D-HANH	Vietnamese
3	PHẠM GIÁP TRI	T.UNG	88	1	3		82	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	T.UNG	73	1	4		72	ANTOAN	Vietnamese
5	LÊ NGỌC TUẤN	T.UNG	61	1	11		71	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU QUANG	T.UNG	74-75	2	22		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG LUÂN	T.UNG	62-63	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẠU CAO QUYẾT	T.UNG	68-69	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN VĂN BẮC	T.UNG	82	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG VĂN NAM	T.UNG	66-67	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN NHÂN	T.UNG	92-93	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
12	HỒ XUÂN HOÀN	T.UNG	70-71	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	T.UNG	76-77	2	21		60	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	T.UNG	83-84	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ XUÂN TÙNG	T.UNG	80-81	2	22		77	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ BĂNG	T.UNG	78-79	2	19		56	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ VIỆT HOÀNG	T.UNG	85-87	3	20		56	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN THANH NAM	T.UNG	65	1	10		75	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN MINH TRUNG	T.UNG	90-91	2	15		75	NHA THAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	32	274	1.271	0	13		
TOTAL		19	32	274	1.271	0	13		
WEIGHT KG				274	1.271	0			

GRAND TOAL: 1.545 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN